TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 13**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 25/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh và bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hà Trung Hải, là Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST- HNGĐ ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn P H, xã C Đ, huyện Đ, tỉnh P(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Trịnh X L; NĐKHKTT: Thôn P H, xã C Đ, huyện Đ, tỉnh P; Nơi công tác: Bệnh xá , phường H L, thành phố B, tỉnh Đ(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trịnh X L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T K, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 18/11/2009. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, anh L sống vô tâm, không có trách nhiệm, có mối quan hệ với người phụ nữ

khác, anh L còn thường xuyên có lời lẽ xúc phạm đến tôi. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhưng chúng tôi không thể kiềm chế, bức xúc khi sống chung một mái nhà, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân và mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn vì không còn yêu thương, chia sẻ với nhau.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Trịnh T K, Sinh ngày 18/4/2010. Nay tôi có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiên cho đến khi 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi yêu cầu anh Trịnh X L cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. ***Tại bản tự khai ngày 11/11/2022 bị đơn anh Trịnh X L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T K, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 18/11/2009. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như vợ tôi trình bày ở trên là không đúng. Vì công việc của tôi bên quân y của quân đội nên ít có thời gian được về nhà, còn cô T cho rằng là tôi có quan hệ với người phụ nữ khác là không có, tỉnh cảm của vợ chồng chúng tôi, cũng chưa đến mức trầm trọng và chưa đến mức phải ly hôn. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn đối với tôi, tôi không đồng ý ly hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án hòa giải cho chúng tôi được quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung cháu Trịnh T K, Sinh ngày 18/4/2010. Tôi không nhất trí ly hôn nên tôi không yêu cầu giải quyết về con. Nếu cô T cứ cương quyết xin ly hôn đối với tôi thì tôi hoàn toàn nhất trí ly hôn. Về con chung tôi nhất trí với nguyện vọng của vợ tôi là Nguyễn Thị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiên cho đến khi 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi (Trịnh X L) tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2022.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh L: Sau khi thụ lý vụ án và tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày 14/11/2022 anh L nhất trí ly hôn, con giao cho chị T nuôi con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản, về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải, đến ngày 16/11/2022 anh L có Đơn ý kiến không nhất trí ly hôn; ngày 21/11/2022 Tòa án ra

Quyết định không công nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải thành. Ngày 02/02/2023 Tòa án thông báo phiên hòa giải lần 2 anh L không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa anh L vắng mặt không có lý do.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải Tưởng vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải Tưởng vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T ly hôn với anh L; Giao cháu Trịnh T K, sinh ngày 18/4/2010 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận biên bản thỏa thuận anh L cấp dưỡng cho cháu Kiên 3.000.000 đồng/1 tháng; hình thức cấp dưỡng theo tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 3/2023 đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trịnh X L phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L và chị T đã thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/8/2022 chị Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Trịnh X L có địa chỉ: Bệnh xá 24 trung đoàn 82, Lê Trọng Tấn, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 03/10/2022 chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh X L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh X L kết hôn tại UBND xã T K, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 18/11/2009, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh L đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là, do bất đồng quan điểm sống anh L, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải xong vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh L không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Sau khi thụ lý và Hòa giải ngày 14/11/2022 Tòa án đã thông báo bằng văn bản cho anh L được biết và Tòa án đã hòa giải lần 1 vào ngày 14/11/2022 anh L xin hòa giải vợ chồng quay về đoàn tụ, tại buổi tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày

14/11/2022 anh L nhất trí ly hôn, con giao cho chị T nuôi con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản, về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án đã

lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải, đến ngày 16/11/2022 anh L có Đơn ý kiến không nhất trí ly hôn; ngày 21/11/2022 Tòa án ra Quyết định không công nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải thành. Đến ngày 13/02/2023 Tòa án đã tổ chức hòa giải lần 2 cho chị T và anh L sau đó anh L không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh L nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 2; vắng mặt tại buổi hòa giải lần 2 do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 19/4/2023 chị T vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L, ngoài ra chị T có cung cấp một số tin nhắn và tài liệu khác thể hiện việc mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh L và chị T. Do mẫu thuẫn và điều kiện hoàn cảnh nên chị T có đơn xin từ chối hòa giải, đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị T khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh X L..

[2.2] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh X L có 01 con chung là Trịnh T K, sinh ngày 18/4/2010. Tại buổi tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày 14/11/2022 anh L đã có ý kiến nhất trí giao cháu Kiên cho chị T nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng theo tháng.

Tại bản tự khái ngày 14/11/2022 cháu Trịnh T K đã có bản tự khai và nguyện vọng của cháu Kiên mong muốn ở với chị T. Hiện nay cháu Kiên cũng ở với chị T và tại Biên bản hòa giải anh L nhất trí để chị T nuôi cháu Kiên và cấp dưỡng dưỡng 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng theo tháng. Lương thực lĩnh hàng tháng anh L được hưởng là 12.066.800 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/3/2023 chị T xin rút 1 phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, trong đơn c yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Kiên từ tháng 11/2022 nhưng trong thời gia Tòa án giải quyết anh L đã gửi tiền cấp dưỡng cho cháu Kiên đến hết tháng 3/2023. Nay cho T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Kiên từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L, giao cháu Trịnh T K, sinh ngày 18/4/2010 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh X L cấp dưỡng nuôi cháu Kiên 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng theo tháng.

[3] Xét về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung, anh L và chị T đã thỏa thuận được với nhau mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con, do vậy căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Trịnh X L phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Trịnh X L.

2. Về con chung:

- Về con chung: Giao cháu Trịnh T K cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh X L cấp dưỡng dưỡng nuôi cháu Kiên 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai thu tiền 0002012 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Trịnh X L phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L chưa nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh X L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T K, H Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thương Huyền